

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS-ST  
Ngày 26 tháng 5 năm 2023  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Phụng

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Sĩ Tiến.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 43/2023/TLST-DS ngày 22-02-2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-DS ngày 26-4-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-DS ngày 11-5-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S1. Địa chỉ: Số B đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là:* Chị Lê Thị Phương T, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số F đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 18/GUQ-CNBRVT ngày 01-11-2022). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn Đ, sinh năm: 1988, địa chỉ: Số H đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP S1 (Viết tắt S2) và anh Đ ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17-12-2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Theo đó, S2 cho anh Đ vay hạn mức 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng anh Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 30.500.000đ (Ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng). Tính đến ngày 26-5-2023 anh Đ còn nợ số tiền gốc và lãi là 80.229.067đ (T1 mươi triệu hai trăm hai mươi chín ngàn không trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó gồm nợ gốc là 21.338.381đ (Hai mươi một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn ba trăm tám mươi một đồng), lãi quá hạn 58.890.686đ (Năm mươi tám triệu tám trăm chín mươi ngàn sáu trăm tám sáu đồng).

S2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Anh Đ thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26-5-2023 là 80.229.067đ (T1 mươi triệu hai trăm hai mươi chín ngàn không trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó gồm nợ gốc là 21.338.381đ (Hai mươi một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn ba trăm tám mươi một đồng), lãi quá hạn 58.890.686đ (Năm mươi tám triệu tám trăm chín mươi ngàn sáu trăm tám sáu đồng); Anh Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 27-5-2023 cho đến khi anh Đ trả xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

2. *Đối với bị đơn anh Đ:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đ đến Tòa án làm việc nhưng anh Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Sau đó, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của anh Đ tại Công an phường T, thành phố V thì anh Đ có đăng ký cư trú tại địa chỉ số H đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh Đ theo quy định pháp luật.

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:* Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ xác định bị đơn anh Đ có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17-12-2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) anh Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.500.000đ (Ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, lãi suất phát sinh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S2 buộc anh Đ thanh toán trả cho S2 số tiền tính đến ngày 26-5-2023 là 80.229.067đ (T1 mươi triệu hai trăm hai mươi chín ngàn không trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó gồm nợ gốc là 21.338.381đ (Hai mươi một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn ba trăm tám mươi một đồng), lãi quá hạn 58.890.686đ (Năm mươi tám triệu tám trăm chín mươi ngàn sáu trăm tám sáu đồng) và anh Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 27-5-2023 cho đến khi anh Đ trả xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] S2 khởi kiện yêu cầu anh Đ thanh toán trả số tiền còn nợ gốc, lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17-12-2013 giữa S2 và anh Đ đã ký nên đây là quan hệ tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và bị đơn anh Đ có đăng ký cư trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh Đ có đăng ký cư trú tại địa chỉ số H đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng đã bán nhà không còn sinh sống tại địa chỉ này. Xét thấy, anh Đ chuyển đi nơi khác nhưng không thông báo cho chính quyền địa phương và S2 nơi anh Đ chuyển đến nên thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh Đ theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của S2 thì thấy:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17-12-2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Bảng tóm tắt sao kê ngày 26-5-2023 thì anh Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi suất phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng. Vì vậy, S2 yêu cầu anh Đ trả tiền nợ gốc và lãi suất là đúng quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện trả tiền nợ gốc và lãi quá hạn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17-12-2013:

[3.1] Đối với yêu cầu anh Đ trả số tiền nợ gốc là 21.338.381đ: Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17-12-2013, anh Đ thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 30.500.000đ. Tính đến ngày 26-5-2023 anh Đ còn nợ gốc chưa thanh toán cho S2 số tiền là 21.338.381đ. Như vậy, anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho S2. Do đó, S2 yêu cầu anh Đ thanh toán trả số tiền nợ gốc còn lại là 21.338.381đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc anh Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc là 21.338.381đ (Hai mươi một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn ba trăm tám một đồng) cho S2.

[3.2] Về yêu cầu tiền lãi quá hạn tính đến ngày 26-5-2023 là 58.890.686đ (Năm mươi tám triệu tám trăm chín mươi ngàn sáu trăm tám sáu đồng): Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17-12-2013 hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Xét, anh Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thể hiện tại các bảng tính lãi theo tài khoản ngày 26-5-2023 do S2 cung cấp thì anh Đ nợ tổng số tiền lãi quá hạn là 58.890.686đ. Do đó, S2 yêu cầu anh Đ trả tiền lãi quá hạn là 58.890.686đ là đúng, phù hợp,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S2 buộc anh Đ phải thanh toán tiền lãi quá hạn là 58.890.686đ (Năm mươi tám triệu tám trăm chín mươi ngàn sáu trăm tám sáu đồng) cho S2.

[3.3] Đối với yêu cầu anh Đ trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 27-5-2023 đến khi trả xong nợ: Yêu cầu này của S2 là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, anh Đ phải thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 27-5-2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho S2.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của S2 được chấp nhận là 4.011.453đ (Bốn triệu không trăm mười một ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 đối với bị đơn anh Đặng Văn Đ.

Buộc anh Đặng Văn Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền là 80.229.067đ (T1 mươi triệu hai trăm hai mươi chín ngàn không trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó gồm nợ gốc là 21.338.381đ (Hai mươi một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn ba trăm tám mươi một đồng), lãi quá hạn 58.890.686đ (Năm mươi tám triệu tám trăm chín mươi ngàn sáu trăm tám sáu đồng) theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17-12-2013.

Kể từ ngày 27-5-2023, anh Đ còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17-12-2013 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất anh Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng tổ chức tín dụng cho vay.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành*

*án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.011.453đ (Bốn triệu không trăm mười một ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S1 là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003844 ngày 20-02-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Ngô Thị Phụng**



